

"PHỦ TẬP QUẢNG NAM KÝ SỰ" - Giá trị tư liệu và một vài suy luận

(Hay giải mã về một số hiện tượng văn hoá
ở phía Nam qua một tư liệu)

TS. NGUYỄN ĐĂNG VŨ*

Lần tìm trong thư tịch cổ, có thể thấy, những ghi chép của các sử gia, các học giả thời phong kiến Việt Nam về việc khai mở vùng đất Quảng Nam xưa (gần như bao gồm Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên ngày nay) không nhiều, tiêu biểu chỉ có *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, nhưng tài liệu này cũng chỉ được viết vào khoảng thời gian ông làm Hiệp trấn Thuận Hoá (1776), nghĩa là sau hơn 300 năm có danh xưng Quảng Nam (1471), vì thế, sách này thực sự chưa phản ánh đúng một Quảng Nam trong buổi đầu khai phá. Các cuốn sách có giá trị khác như *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Hoàng Việt địa dư chí* của Phan Huy Chú, *Đại Việt địa dư toàn biên* của Nguyễn Văn Siêu và Bùi Quỳ, *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn.v.v... đều là những cuốn được biên soạn sau này (từ đầu thế kỷ XIX trở đi). Những ghi chép trong các sách kể trên tuy mới dừng lại ở phạm vi phản ánh nhưng đã giúp chúng ta nhận diện tổng quát về nhiều mặt của các địa

phương trong cả nước (chứ không bàn riêng về lịch sử khai mở từng vùng đất, hơn là với Quảng Nam)¹. *Phủ tập Quảng Nam ký sự* là một cuốn sử liệu, dù dung lượng của nó còn khiêm tốn, nhưng nhờ được viết khá sớm, và chỉ viết riêng về việc vỗ yên dân chúng ở vùng đất Quảng Nam ngay từ buổi đầu khai phá, nên những trang ghi chép trong cuốn sách này đã góp phần bổ sung vào sự thiếu vắng đó.

1- Xuất xứ tài liệu

Phủ tập Quảng Nam ký sự là những ghi chép về công trạng của Bùi Tá Hán trong việc thu phục đất Quảng Nam dưới sự cai quản của nhà Mạc và vỗ yên dân chúng ở vùng đất này trong hơn 20 năm, từ năm 1545 đến lúc Bùi Tá Hán mất vào năm 1568. Đây là tập sách viết tay, bằng chữ Hán cổ, gồm 30 trang, vốn được truyền đời lưu giữ trong gia tộc họ Lê ở làng Hoài An, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi trong nhiều đời. Cụ Lê Hồng Long, hậu duệ của dòng họ Lê ở đây - nguyên đại biểu Quốc hội khoá I, một nhà nghiên cứu văn hoá lịch sử, đã cho công bố sách này vào năm 1996 trong cuốn *Tư liệu thư tịch và di tích về*

* SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
QUẢNG NGÃI

nhân vật lịch sử *Bùi Tá Hán*². Theo lời thuật lại của người phụng chép lần sau cùng (1914) ở vào cuối cuốn sách, thì cuốn sách này được biên soạn vào thời Lê Anh Tông, niên hiệu Chính Trị (1558 - 1571) mà tác giả của nó là một người họ Mai (Mai thị). Vì là sách viết tay, lại trải qua "bao lần binh lửa, gió mưa, mối mọt cắn phá" nên hư rách nhiều chỗ. Vào năm Minh Mạng thứ 5 (1824), ông Lê Đăng Hiến - một người thư lại ở Phiên ty Quảng Ngãi đã sao lại tập sách theo nguyên văn. Ngoài ra, ông còn chép thêm một bản nữa làm phó bản. Nhưng rồi trải qua hàng trăm năm sau nữa, bản chép của ông cũng cũ nát, nên ông Lê Viết Hoà - cháu 4 đời của ông Lê Đăng Hiến - lại sao lại lần nữa vào năm Duy Tân thứ 8 (1914). Như lời ông Lê Viết Hoà, người phụng chép cách đây tròn 90 năm trước, thì với ý thức "bảo tồn di tích của người xưa" nên ông phải sao lại nhưng chắc chắn khó tránh khỏi nạn "tam sao thất bản". Tuy nhiên, căn cứ vào văn phong, ngôn ngữ sử dụng, chất liệu giấy, khổ sách... theo một số nhà Hán học, trong đó có GS. Trần Nghĩa - nguyên Viện trưởng Viện Hán Nôm, người hiệu đính bản dịch - thì tập sách này rất đáng tin cậy về mặt văn bản học, và nó cũng hoàn toàn phù hợp với những tư liệu còn lưu giữ trong đền thờ Bùi Tá Hán tại làng Thu Phố (Phố) thuộc phường Quảng Phú, thị xã Quảng Ngãi hiện nay.

2- Tổng thuật tài liệu

Ngoài phần ghi chép tóm tắt về tiểu sử Trần Quốc công Bùi Tá Hán, nội dung chính của *Phủ tập Quảng Nam ký sự* chủ yếu là những ghi chép về việc võ về, quy tụ miền đất Quảng Nam của ông Bùi, người gốc Hoan Châu, từ khi ông nhận được sắc chỉ cần vương phù Lê diệt Mạc vào năm Nguyên Hoà thứ 13 (Ất Ty, 1545) tại vùng biên trấn Quảng Nam. Theo sách này, việc thu phục Quảng Nam từ tay quân Mạc được Bùi Tá Hán tiến hành từ ngày tháng 6 năm Ất Ty mà điểm khởi binh là cửa biển Hội Thống, sau đó cứ theo đường biển, rồi vào trú quân ở Cù Lao Ré (đảo Lý Sơn). Lấy Cù Lao Ré làm bàn đạp, Bùi Tá Hán cho đại binh tiến vào đất liền theo nhiều hướng. Đến tháng 8 cùng năm thì toàn bộ vùng đất Thăng Hoa, Tư Nghĩa, Hoài Nhơn đã quy thuận, dân chúng được võ về. Tháng giêng năm Nguyên Hoà thứ 14 (1546) triều đình đã phái sứ thần tuyên đọc

Nguyễn Đăng Vũ: *Phủ tập Quảng Nam ký sự...*

sắc chỉ phong ông Bùi làm Đô tướng dinh Quảng Nam và lưu lại trấn nhậm vùng đất này cho đến khi ông mất, với tước Trấn Quận công (*Phủ biên tạp lục* ghi là Trấn Quốc công). Chính Nguyễn Kim trước khi mất cũng đã có thư gửi cho Bùi Tá Hán, uỷ thác trọng trách trong công cuộc gìn giữ vùng đất Quảng Nam (Thư Nguyễn Kim cũng được đính kèm trong *Phủ tập Quảng Nam ký sự*). Về việc Bùi Tá Hán tiến quân chiếm lại đất Quảng Nam trong tay nhà Mạc được ghi trong *Phủ tập Quảng Nam ký sự* khá chi tiết, như Bùi Tá Hán xuất quân ở đâu, tiến đánh ở vùng nào trước, ngày giờ nào v.v..., kể cả việc ông được chỉ dụ là tiếp tục trấn nhậm luôn ở Quảng Nam với chức Đô tướng Quảng Nam dinh, trông coi vùng đất này từ việc lớn đến việc nhỏ. Nhưng với mục đích để hiểu rõ hơn vùng đất Quảng Nam trong buổi đầu khai phá, phạm vi bài này chỉ xin đề cập đến những chính sách của Bùi Tá Hán trong công cuộc phát triển kinh tế, canh tân xã hội ở xứ Quảng Nam sau khi vùng đất này đã được thu phục từ tay nhà Mạc.

2.1- Những chính sách phát triển kinh tế - xã hội

Là một người có học vấn uyên thâm, thấm nhuần đạo nhân nghĩa của Khổng - Mạnh, nhưng Bùi Tá Hán không cầu mong đến việc thi phú kiêu Tống Nho mà quyết chí lập thân theo chí khí của người quân tử đơn thuần, là khi gặp nước nhà nguy khốn, nhân dân còn cực khổ trăm bề thì phải đem tài sức mình ra giúp nước, như sách *Kinh thi* luận bàn: Gặp lúc mây sầm nguy khốn, người quân tử phải ra tài chinh đốn, phải nhắm vào việc đào tạo nhân tài và giúp đỡ quân vương để tác động đến người dân, người quân tử đặc chí phải mang lại phúc trạch cho dân³.

Từ một thực tế là, trấn Quảng Nam thời ấy dân cư thưa thớt, từ huyện Hy Giang (tức huyện Duy Xuyên, Quảng Nam ngày nay) đến Đại Lãnh (Phú Yên) chỉ ước chừng 10 nghìn hộ, với khoảng 5 vạn dân⁴, mà đời sống còn quá sức nghèo khổ, việc đi lại khó khăn vì lấm sông suối, đèo dốc hiểm trở, thường xuyên bị hạn hán, bão lụt, bệnh tật, nên Bùi Tá Hán phải ra sức canh tân về mọi mặt. Tuy nhiên, cũng nhờ đất rộng mà người thưa, lại được yên bình và các chính sách về ruộng đất thoáng đạt, nên nông dân nghèo từ các xứ Thanh Hoá, Nghệ An

và một phần ở Hải Dương lữ lượt kéo nhau vào đây để vỡ ruộng lập làng. Vì thế, đối với dân di cư, Bùi Tá Hán đề ra một số kế sách hết sức cụ thể như: Trước hết là chỉ định cho các quan huyện địa phương lo việc tiếp dân và điều hành mọi công việc "ở" liên quan đến số hộ di cư mới, như hộ nào đến trước thì giúp cho họ ở nhờ vào địa phận xã có đồn điền quân đội, xuất trợ cấp mỗi hộ 5 tháng lương ăn, điều quân đội đi chặt gỗ trong rừng, cất tranh trên núi làm nhà cho từng hộ. Sau khi đã yên ổn chỗ ăn, chỗ ở thì trích ruộng thực điền trong số ruộng đất ở các đồn điền giao cho mỗi hội một ít để tạm thời canh tác. Ông còn khuyên số dân di cư này trước mắt là trồng khoai lang, rau ngắn ngày, để 3 tháng sau có hoa lợi mà dùng, và cũng khuyên họ sau mùa cấy hái phải nỗ lực khai hoang làm ruộng tư. Ai có công khai phá thì số ruộng khai hoang đó sẽ thuộc sở hữu riêng. Tuy nhiên, ông cũng khuyến cáo là không được dùng cách bao chiếm ở vùng đồng bằng lẫn vùng rừng núi.

Về chính sách ruộng đất, ngoài việc khuyến khích khai hoang, vỡ hoá trên đây, trong tờ biểu tâu năm Thuận Bình thứ 8 (1558), nghĩa là đã sau 13 năm vỡ yên biên trấn, bước đầu canh tân xã hội, ông còn chủ trương đưa những ruộng đất nào mà trước đây quân lính khai khẩn nay đã thành thực điền thì xung vào công điền, giao cho các thôn xã phân cấp cho dân cày cấy và nộp tô thuế. Ông còn kiến nghị, cần phải đo đạc ruộng đất cho tất cả các loại ruộng công cũng như tư, phân định ra các hạng, vì từ khi Thừa tuyên Quảng Nam được thành lập đến cả sau thời điểm 13 năm ông trấn nhậm xứ này, đất đai chưa được đo đạc, chưa có chính sách tô thuế.

Đối với việc tổ chức đời sống sản xuất và sinh hoạt của cộng đồng cư dân ở dinh Quảng Nam, Bùi Tá Hán cũng đề ra những biện pháp hết sức cụ thể.

Để thực hành tiết kiệm, tích trữ lương thực, đề phòng ngặt nghèo, Bùi Tá Hán khuyên nhà quan, nhà dân, không luận là giàu nghèo, mỗi khi nấu cơm nên ghế thêm hai mươi phần trăm khoai lang hoặc bắp (ngô).

Việc ở, việc mặc, kể cả cách dùng những dụng cụ sinh hoạt hàng ngày cũng được ông tận tâm chỉ giáo hết sức chi tiết và thiết thực như: Làm nhà nên làm theo kiểu tám cột, ba

gian, lợp bốn tấm rui vuông bốn góc, các nhà nên liên kết thành xóm, ấp, gần gũi cùng nhau, giúp đỡ lẫn nhau; mỗi xóm nên đào một cái giếng, lấy nước sạch để uống, nhà nào có sức người sức của thì nên đào một cái giếng để dùng riêng; phải làm nổi đồng, nổi đất ở cổ có quai để dùng đũa bếp mà bưng xuống khi nấu nướng; phụ nữ không nên dùng quần không đáy, đồng loạt phải dùng quần như nam giới, nhuộm chàm hoặc đen để phân biệt nam nữ...

Trong tổ chức sản xuất, Bùi Tá Hán cũng đề ra một số chủ trương trên nhiều lĩnh vực như thủy lợi, đổi mới kỹ thuật cày cấy, khuyến khích các ngành nghề... Về thủy lợi, ông hết sức nhấn mạnh đến việc coi trọng công tác này, yêu cầu các huyện cần xem xét tình hình nước sông trong huyện để đắp đê điều dẫn nước; các vùng trũng, ruộng bị úng thì khai kênh rút nước, ruộng cao thì nên ngăn sông làm bờ xe nước để đưa nước vào ruộng. Trong việc cày cấy, ông cho cải tiến cái cày truyền thống ở vùng Bắc bộ và Bắc Trung bộ, như giờ đây phải dùng ách, mắc hai trâu, trên mỏ cày có gắn thêm tranh phụ, để làm một công cày nhưng tăng đất thực. Đối với các ngành nghề, ông chủ trương khuyến khích phát triển nghề thợ rèn, thợ mộc, thợ đúc, thợ dệt vải, thợ dệt chiếu, thợ chằm nón và không đóng thuế các mặt hàng từ các ngành nghề này.

Bùi Tá Hán cũng là người chủ trương cải tiến giao thông, bưu chính. Thấy việc giao thông đường bộ hết sức khó khăn, trắc trở, ông cho đắp một con đường thiên lý rộng hai trượng rưỡi, từ huyện Hy Giang đến huyện Tuy Viễn (tức từ Duy Xuyên, Quảng Nam đến tận đất Phú Yên ngày nay), làm cầu cống, củng cố hệ thống thuyền đò trên các con sông. Cứ 17 hải lý thì đặt một dịch trạm để chuyển công văn, giấy tờ. Ông cũng cho cải tiến thuyền bè đi lại trên sông, biển. Ông cho thay thuyền ván bằng thuyền nan trét dầu rái, như vậy sẽ nhẹ và nhanh, thuận tiện cho việc ra vào sông, biển.

Đối với việc chăm sóc sức khỏe, nâng cao dân trí cho nhân dân, Bùi Tá Hán cũng hết sức chú trọng. Vì xét thấy dân chúng nhiều người chưa "phục thủy thổ", thường sinh bệnh tật, nên ông có chế độ khuyến khích cho các thầy thuốc. Để cho mỗi xã thôn có một thầy thuốc, ông chủ trương trích một số ruộng đất công cấp cho các thầy thuốc để họ yên tâm định cư và có



Đền thờ Bùi Tá Hán (Quảng Ngãi) - Ảnh: Cao Chư

điều kiện chữa trị cho dân. Cũng tương tự như vậy, ông cũng cho trích ruộng đất công cấp cho các thầy đồ, lập trường nghĩa thực (trường tư), đặc biệt là ở những xã thôn nào có hộ khẩu tăng nhanh, trẻ em đông đúc.

Trong các loại hình sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng, Bùi Tá Hán đã có các chủ trương thiết thực, như cho xây dựng chùa chiền để nhân dân cúng lễ; hạn chế việc ăn uống kéo dài, phí sức, tốn của trong hôn nhân, tang chế; khuyên các gia đình chỉ nên cúng tế ông bà, cha mẹ vào các dịp tết hoặc giỗ chạp, v.v...

2.2- Chính sách đối với các tộc người thiểu số miền núi

Trong *Phủ tập Quảng Nam ký sự*, tác giả họ Mai còn cho biết, những chính sách mềm dẻo, khôn khéo, nhưng cũng hết sức tận tâm của Bùi Tá Hán đối với các tộc người ở miền núi thuộc vùng đất Quảng Nam. Xét thấy vùng núi trấn Quảng Nam có nhiều tộc người thiểu số sinh sống, nhưng không "tuân theo vương hoá", việc canh tác còn quá thô sơ, lạc hậu, lại hay đốt rừng, phá núi, nạn đói thường xuyên xảy ra, ông chủ trương dạy họ việc cày bừa, cấy gặt, khuyến khích việc định canh, định cư, khiến họ đủ ăn, đủ mặc mà giao hảo với người Kinh, xoá

hố sâu ngăn cách giữa hai vùng Kinh - Thượng. Ngoài những chủ trương đó, ông còn lập những nơi giao dịch giữa người Kinh và người Thượng, để họ có điều kiện trao đổi hàng hoá cũng như hoà hiếu với nhau, như lập các chợ phiên, hai ngày nhóm họp một lần ở những vùng giáp ranh Kinh - Thượng. Nhờ những chính sách này mà khi Bùi Tá Hán mất, nhân dân các tộc người thiểu số tôn vinh ông như một vị thần quan trọng trong đời sống tín ngưỡng của họ. Trong *Vũ Man tạp lục*, Nguyễn Tấn đã có nhiều chỗ đề cập đến vấn đề này, như người miền Thượng đã thường xuyên tế lễ ông, và xếp ông vào hàng thứ 3 trong hệ thần linh, là "Thần Nông, Hậu Tắc, trấn Bắc (tức Bùi Tá Hán), Xứ Xang. Pho tượng Xích Y - một người thuộc tộc thiểu số được phong thần thờ ghép ở đền Bùi Tá Hán cũng là một minh chứng cho tinh thần hoà hiếu, tài năng thu phục miền Thượng của Bùi Tá Hán và Tứ dương hầu - tiến sĩ Bùi Tá Thế - con trai kế nghiệp của ông.

2.3- Chính sách đối với biên cương

Phủ tập Quảng Nam ký sự còn ghi chép về việc Bùi Tá Hán có những chính sách hết sức mềm dẻo đối với vùng biên cương ở phía Nam, mà đây chính là vùng ranh giới giữa nước

Chiêm Thành và Đại Việt ở núi Đại Lãnh. Ông ý thức được "vùng nhạy cảm" của hai dân tộc trong tiến trình lịch sử, vì thế những chính sách của ông là làm thế nào để hai dân tộc giữ được mối hoà hiếu lâu dài.

Trước hết, để giữ yên vùng biên trấn đó, ông cho đóng 3 đồn lớn, mỗi đồn lưu trú 500 quân trải rộng từ bờ biển đến tận vùng núi phía Tây. Quân lính được chia làm hai nửa, một nửa thay nhau đi kiểm tra, kiểm soát, một nửa làm đồn điền để nuôi quân và cứ 6 tháng thì luân phiên một lần. Ông còn bố trí trong mỗi đồn có một viên quan văn để xử lý công việc hành chính và tham gia bàn bạc việc quân. Bùi Tá Hán cũng lập 3 trạm giao dịch ở vùng biên để người Kinh và người Chăm có thể mang lâm thổ sản, các loại nông cụ, đồ dùng sinh hoạt đến đây buôn bán, đổi chác. Trong quá trình trao đổi hàng hoá, nếu có gì bất hoà với nhau thì quan đồn phải kịp thời dàn xếp, không để chuyện nhỏ hoá thành chuyện lớn. Khi người Chăm muốn qua lại vùng biên để thăm bà con thân thuộc thì đều phải trình báo giấy tờ. Ông còn yêu cầu các quan văn võ phải dùng "lời lẽ nghiêm chỉnh, đúng mực và thái độ ôn tồn để chinh phục họ tự đáy lòng, nhất thiết không được to tiếng nạt nộ họ". Nói chung, đối với người Chăm, theo Bùi Tá Hán là lấy nghĩa nhân mà thu phục chứ không cần dùng đến uy lực quân sự. Có lẽ cũng nhờ chính sách này mà mối quan hệ hai tộc Việt - Chăm từ thời điểm Bùi Tá Hán trấn nhậm ở vùng đất này trở đi luôn được bình ổn.

Ở đây cũng có một điều đáng chú ý, là để có tất cả những chính sách đối ngoại, đối nội trên thì ngoài tài năng của Bùi Tá Hán còn có một chủ trương của triều đình nhà Lê ngay từ khi Lê Trang Tông mới thu phục lại một nửa đất nước (tức lúc kinh thành Thăng Long và những vùng lân cận còn trong tay nhà Mạc). Trong thư của Phụ quốc đại thần Nguyễn Kim gửi cho Bắc quân đô đốc Bùi Tá Hán để ông Bùi "xem xét", ngay sau khi ông Bùi báo tin thắng trận ở vùng đất Quảng Nam (nguyên văn: *Phụ quốc chính Nguyễn trí ư Bắc quân đô đốc Bùi công đại giám*, đính kèm theo trong *Phủ tập Quảng Nam ký sự*) có một số đoạn liên quan đến những cải cách của Bùi Tá Hán. Theo nội dung thư này, thì Nguyễn Kim có cho

biết, triều đình sẽ cho một số dân nghèo ở Thanh Hoá, Nghệ An vào đây lập nghiệp nhằm "lần hồi tích trữ lương thực để mưu kế lâu dài" và đề nghị Bùi Tá Hán: với người miền thượng nên áp dụng chính sách mềm dẻo để phủ an dân chúng; với vùng biên cương, thì cố giữ ổn định, không để quân Mạc lợi dụng mỗi bất hoà giữa hai tộc Việt - Chăm từ trước mà liên kết với người Chăm, kể cả với Ai Lao chống lại nhà Lê.

Như vậy, qua những ghi chép trong *Phủ tập Quảng Nam ký sự* có thể thấy, Bùi Tá Hán là một con người ngoài tài năng về quân sự còn là một nhà cải cách đầy tâm huyết, đã ghi một dấu ấn hết sức quan trọng đối với vùng đất Quảng Nam trước đây (tương đương các tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên hiện nay). Dấu chỉ là những ghi chép ngắn gọn, nhưng *Phủ tập Quảng Nam ký sự* đã giúp chúng ta nhận diện được những chủ trương, chính sách của Bùi Tá Hán trong việc tổ chức sản xuất, tổ chức đời sống sinh hoạt, văn hoá, trong việc xử lý các mối quan hệ Kinh - Thượng, Việt - Chăm ở trấn Quảng Nam xưa kia. Có lẽ, nhờ những ghi chép đó mà chúng ta không những hiểu về vùng đất Quảng Nam trong buổi đầu khai phá mà còn hiểu ít nhiều về vùng đất này ở các thế kỷ sau.

(Kỳ sau đăng tiếp)

N.D.V

Chú thích:

- 1- Ở đây chưa tính đến những đoạn ghi chép rải rác về việc khai mở vùng đất Quảng Nam trong các sách khác, như *Đại Việt sử ký toàn thư*, vốn được biên soạn trong 425 năm, từ 1271 đến 1697, chẳng hạn (chủ yếu từ quyển XVII trở đi).
- 2- *Tư liệu thư tịch và di tích về nhân vật lịch sử Bùi Tá Hán* (Bản phiên âm và dịch nghĩa của Lê Hồng Long, Vũ Sông Trà, GS. Trần Nghĩa hiệu đính), Sở Văn hoá - Thông tin Quảng Ngãi xuất bản, 1996.
- 3- *Tư liệu thư tịch và di tích về nhân vật lịch sử Bùi Tá Hán* (Bản phiên âm và dịch nghĩa của Lê Hồng Long, Vũ Sông Trà, GS. Trần Nghĩa hiệu đính), Sở Văn hoá - Thông tin Quảng Ngãi xuất bản, 1996, Tr. 25.
- 4- Theo Lê Hồng Long, *Danh nhân lịch sử Bùi Tá Hán*, "Tư liệu về Bùi Tá Hán", Sở Văn hoá - Thông tin Quảng Ngãi, 1991, Bản in ronêô, Tr. 32.